

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tập đoàn Bảo Việt số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 26/06/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về Kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt (Báo cáo số 709/2024/BC-TĐBV ngày 20/6/2024 đính kèm).

Trong đó: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu về kết quả kinh doanh năm tài chính 2023 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đã được kiểm toán như sau:

- Tổng doanh thu: 1.574 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm 2023, tăng trưởng 0,6% so với năm 2022.
- Lợi nhuận sau thuế (LNST): 1.116 tỷ đồng, hoàn thành 101,4% kế hoạch năm 2023, tăng 4,7% so với năm 2022.
- Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 15,04%.

Số phiếu biểu quyết tán thành 653.373.095 cổ phần, chiếm 96,72% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt (Tờ trình số 710/2024/TTr-HĐQT ngày 20/6/2024 đính kèm).

Số phiếu biểu quyết tán thành 653.373.095 cổ phần, chiếm 96,72% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 (Báo cáo số 711/2024/BC-HĐQT ngày 20/6/2024 đính kèm).



Số phiếu biểu quyết tán thành 653.373.095 cổ phần, chiếm 96,72% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2024 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt (Báo cáo số 709/2024/BC-TĐBV ngày 20/6/2024 và Báo cáo số 711/2024/BC-HĐQT ngày 20/6/2024) với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

- Tổng doanh thu dự kiến đạt **1.646 tỷ đồng**.
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt **1.150 tỷ đồng**.

Số phiếu biểu quyết tán thành 652.444.718 cổ phần, chiếm 96,58% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 (Báo cáo số 638/2024/TĐBV-BKS ngày 05/6/2024 đính kèm)

Số phiếu biểu quyết tán thành 653.324.495 cổ phần, chiếm 96,71% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 6. Thông qua quyết toán thù lao đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên năm tài chính 2023 (Tờ trình số 712/2024/TTr-HĐQT ngày 20/6/2024 đính kèm) như sau:

a. Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (bao gồm thuế TNCN):

- Mức thù lao: 20 triệu đồng/người/tháng;
- Quỹ thù lao: 1.440.000.000 đồng .

b. Quỹ thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách (bao gồm thuế TNCN):

- Mức thù lao: 10 triệu đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao: 240.000.000 đồng.

c. Tổng quỹ thù lao: 1.680.000.000 đồng

Số phiếu biểu quyết tán thành 649.441.902 cổ phần, chiếm 96,14% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 7. Thông qua mức thù lao kế hoạch của thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên năm tài chính 2024 (Tờ trình số 712/2024/TTr-HĐQT ngày 20/6/2024 đính kèm) như sau:

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (bao gồm thuế TNCN): 20 triệu đồng/người/tháng;

- Mức thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách (bao gồm thuế TNCN): 10 triệu đồng/người/tháng.

Việc quyết toán số tiền thù lao trong năm 2024 được xác định dựa trên số thành viên thực tế, thời gian làm việc thực tế và mức thù lao đề xuất trên. Mức thù lao trên có thể được điều chỉnh theo kết quả thực hiện kế hoạch lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 20% mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH.

Số phiếu biểu quyết tán thành 649.441.902 cổ phần, chiếm 96,14% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 8. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt (Tờ trình số 713/2024/TTr-HĐQT ngày 20/6/2024 đính kèm) như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế là: **1.116.098.499.386 đồng.**

- Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: **334.829.549.816 đồng**, bằng 30% LNST.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng cho người quản lý:

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động: **35.696.607.682 đồng**, tương đương 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động và 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, bằng 3,2% LNST.

• Trích quỹ thưởng cho người quản lý: **490.948.398 đồng**, tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách, bằng 0,04% LNST.

+ Cổ tức năm 2023: Sau khi thực hiện trích lập các quỹ theo quy định, lợi nhuận sau thuế còn lại của năm tài chính 2023 là 745.081.393.490 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2022 là 42.026.374 đồng, tổng lợi nhuận còn lại của 02 năm là 745.123.419.864 đồng, thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền, làm tròn ở mức **10,037%** trên mệnh giá cổ phiếu (tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng), tương đương **745.069.358.227 đồng.**

+ Phần lợi nhuận năm 2023 còn lại (54.061.637 đồng) dùng để bổ sung vào nguồn chia cổ tức cho các năm sau.

Số phiếu biểu quyết tán thành 653.373.095 cổ phần, chiếm 96,72% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 9. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt (Tờ trình số 713/2024/TTr-HĐQT ngày 20/6/2024 đính kèm) như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 dự kiến là: 1.150 tỷ đồng; Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (7.423,2 tỷ đồng) dự kiến là 15,5%.

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 dự kiến như sau:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển tối đa bằng 30% lợi nhuận sau thuế.

+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng của người quản lý: Căn cứ vào lợi nhuận thực hiện năm 2024 sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, các thành viên góp vốn theo quy định của Nhà nước; Điều 8, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt.

+ Chi trả cổ tức năm 2024: Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền cho các cổ đông theo quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

Số phiếu biểu quyết tán thành 653.373.095 cổ phần, chiếm 96,72% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 10. Thông qua Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 15) (Tờ trình số 714/2024/TTr-HĐQT ngày 20/6/2024 đính kèm).

Số phiếu biểu quyết tán thành 649.411.002 cổ phần, chiếm 96,13% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 11. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc/Q.Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt, các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông của TĐBV;
- Như Điều 11;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Trần Thị Diệu Hằng

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 VÀ
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024 CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT**

Kính thưa các Quý vị Cổ đông!

Thay mặt Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt, Tôi xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2023

Kinh tế – xã hội Việt Nam năm 2023 tiếp tục xu hướng phục hồi trong bối cảnh thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga - Ukraina và tại dải Gaza diễn biến phức tạp. Kinh tế vĩ mô nước ta ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực đạt được mục tiêu đề ra và tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Năm 2023 là một năm có nhiều biến động đối với hoạt động của thị trường bảo hiểm Việt Nam. Doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm năm 2023 giảm 7,8% so với năm trước (*số liệu ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam*), trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ giảm 11,6%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 3% so với năm 2022.

Với những nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được mức tăng trưởng và phát triển ổn định, cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023, Hội đồng Quản trị Tập đoàn phê duyệt, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt đạt 57.871 tỷ đồng, hoàn thành 102,7% kế hoạch 2023, tăng trưởng 6,1% so với năm trước, trong đó doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 43.589 tỷ đồng, hoàn thành 101,7% kế hoạch 2023, tương đương kết quả năm trước, doanh thu hoạt động tài chính đạt 13.543 tỷ đồng, hoàn thành 104,7% kế hoạch 2023, tăng trưởng 36,5% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp



ng

nhất đạt 2.236 tỷ đồng, hoàn thành 112,5% kế hoạch 2023, tăng trưởng 11,2% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất đạt 1.860 tỷ đồng, hoàn thành 115,9% kế hoạch 2023, tăng 14,4% so với năm trước.

- Tổng doanh thu của Công ty Mẹ đạt 1.574 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch 2023, tăng trưởng 0,6% so với năm 2022; LNNT đạt 1.121 tỷ đồng, hoàn thành 100,5% kế hoạch 2023, tăng 1,7% so với cùng kỳ; LNST đạt 1.116 tỷ đồng, hoàn thành 101,4% kế hoạch 2023, tăng trưởng 4,7% so với cùng kỳ; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 15,04%, Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu đạt 6,32%.

Các Công ty Con của Tập đoàn Bảo Việt cũng đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Tập đoàn Bảo Việt phê duyệt. Trong đó:

- Trong lĩnh vực bảo hiểm: Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong, dẫn dắt trên thị trường và được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước cũng như khách hàng, đối tác đánh giá cao về độ uy tín, tốc độ tăng trưởng, tính bền vững. Trong đó, Tổng doanh thu từ Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) năm 2023 đạt 11.752 tỷ đồng, hoàn thành 103,2% kế hoạch năm 2023, tăng trưởng 4,7% so với năm 2022. Tổng doanh thu từ Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) đạt 44.714 tỷ đồng, tăng trưởng 7,3% so với 2022, hoàn thành 102% kế hoạch năm. BVNT tiếp tục dẫn đầu thị trường bảo hiểm nhân thọ về tổng doanh thu phí bảo hiểm

- Trong lĩnh vực đầu tư:

+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 157 tỷ đồng, hoàn thành 111,3% kế hoạch năm, tăng trưởng 17,9% so với 2022. LNST đạt 64 tỷ đồng – hoàn thành 121,7% kế hoạch năm, tăng trưởng 26,5% so với 2022. Doanh thu tăng trưởng cao khi BVF giữ nguyên biểu phí quản lý Danh mục ủy thác và tài sản quản lý tăng trưởng tốt.

+ Tổng doanh thu thực hiện của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đạt 870 tỷ đồng. LNNT và LNST thực hiện đạt 192 tỷ đồng và 158 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 106,0% và 108,7% kế hoạch năm. Thị phần môi giới cả năm 2023 đạt 2,45%.

- Trong lĩnh vực đầu tư và quản lý bất động sản: Doanh thu của Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt (BVI) đạt 367 tỷ đồng, hoàn thành 104,9% kế hoạch năm; LNNT và LNST đạt 13 tỷ đồng và 10 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 7,3% và 7,6% so với 2022, nhờ hoạt động quản lý cho thuê tòa nhà và thương mại dịch vụ tăng trưởng tốt.

Như vậy, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên trong năm 2023 đã nỗ lực triển khai thành công những giải pháp đã đề ra để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh

ny

được giao. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tập đoàn đặt ra, đồng thời thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của các đơn vị thành viên, cán bộ lãnh đạo, nhân viên trong toàn Tập đoàn.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Theo ADB tại Việt Nam, nền kinh tế Việt Nam vẫn vững vàng và dự kiến sẽ phục hồi nhanh trong tương lai gần nhờ tiêu dùng trong nước mạnh, được hỗ trợ bởi lạm phát ở mức vừa phải, tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công và cải thiện các hoạt động thương mại, cũng như các lĩnh vực khác được dự báo tăng trưởng lành mạnh. Dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2024 là GDP khoảng 6 - 6,5%, CPI bình quân khoảng 4 - 4,5% theo các chỉ tiêu kế hoạch Quốc hội thông qua.

Trong bối cảnh đó, những yếu tố thuận lợi về vĩ mô toàn cầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh Bảo Việt. Thị trường bảo hiểm năm 2024 kỳ vọng sẽ có những chuyển biến tích cực hơn, tạo ra “cú huých” về chất lượng cung cấp dịch vụ, sản phẩm; khôi phục niềm tin, hỗ trợ thị trường phát triển minh bạch, bền vững khi nền tảng pháp lý mới cơ bản đã được hoàn thiện, những giải pháp mạnh mẽ từ các cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, tình hình tài chính của Việt Nam năm 2024 được dự báo sẽ tích cực hơn. Chính sách tiền tệ được dự báo theo hướng chủ động, linh hoạt, lãi suất duy trì ở mức thấp nhằm thúc đẩy tăng trưởng. Tỷ giá dự báo sẽ hạ nhiệt dần từ cuối quý 2/2024, với mức tăng khoảng 2,5-3% trong năm 2024.. Tăng trưởng lợi nhuận của các định chế tài chính năm 2024 được dự báo sẽ ở mức cao hơn năm 2023. Mặc dù vậy, thị trường tài chính trong năm 2024 vẫn còn một số vấn đề cần quan tâm như: nợ xấu còn gia tăng trong nửa đầu năm nhưng sẽ giảm dần cùng với đà phục hồi của nền kinh tế; thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản phục hồi chậm và cần thời gian để chuyển biến rõ nét hơn.

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Căn cứ dự báo diễn biến thị trường năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt xây dựng kế hoạch kinh doanh 2024 của Công ty Mẹ với một số chỉ tiêu tài chính như sau:

- Tổng doanh thu dự kiến đạt 1.646 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 1.150 tỷ đồng.

2. Các giải pháp trọng tâm năm 2024

Bảo Việt với tâm thế “Kiến tạo tương lai” đã chuẩn bị cho mình tinh thần chủ động, làm chủ tình thế, chủ động tìm tòi, sáng tạo, linh hoạt trong điều hành để thích ứng với các thách thức hiện hữu và phát sinh trong tương lai, từ đó giữ vững và duy trì

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Số: 710 /2024/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH**Về việc: Thông qua Báo cáo Tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tập đoàn Bảo Việt***Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;**Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt;**Căn cứ Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;*

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt kính trình Đại hội Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt đã được kiểm toán, bao gồm:

- Báo cáo của Ban điều hành;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 11623354/E-67430719 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với Báo cáo Tài chính riêng năm 2023;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 11623354/E-67430719-HN của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2023;
- Bảng Cân đối kế toán riêng và hợp nhất;
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất;
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất;
- Các Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất.

Một số thông tin tóm tắt về Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm tài chính 2023 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt như sau:

I. Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán:**1. Bảng Cân đối Kế toán**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022
I	Tổng Tài sản	221.101.603	201.663.976
1	Tài sản ngắn hạn	122.398.176	117.373.071
2	Tài sản dài hạn	98.703.427	84.290.905

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022
II	Tổng Nguồn vốn	221.101.603	201.663.976
1	Nợ phải trả	198.842.580	180.393.019
2	Vốn Chủ sở hữu	22.259.023	21.270.957

2. Kết quả Hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2023	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2022
I	Tổng Doanh thu hợp nhất	57.871.038	54.539.830
1	Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	43.588.870	43.901.731
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	13.543.366	9.922.385
3	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	738.802	715.714
II	Lợi nhuận trước thuế TNDN	2.236.299	2.010.164
III	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.859.989	1.625.606

II. Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 đã kiểm toán:

1. Bảng Cân đối Kế toán

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022
I	Tổng Tài sản	17.871.601	17.580.644
1	Tài sản ngắn hạn	4.142.057	3.756.142
2	Tài sản dài hạn	13.729.544	13.824.502
II	Tổng Nguồn vốn	17.871.601	17.580.644
1	Nợ phải trả	199.299	278.516
2	Vốn Chủ sở hữu	17.672.302	17.302.128

2. Kết quả Hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2023	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2022
I	Tổng Doanh thu	1.574.066	1.565.025
1	Doanh thu hoạt động tài chính	1.222.197	1.205.437
2	Doanh thu hoạt động khác	351.869	359.588
II	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.121.083	1.102.158
III	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.116.098	1.065.593

Các báo cáo trên đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải đầy đủ trên website của Tập đoàn tại địa chỉ www.baoviet.com.vn.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN
BẢO VIỆT
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI



Trần Thị Diệu Hằng

Số: 711/2024/BC-HĐQT

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024**

Kính thưa các Quý vị Cổ đông!

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tập đoàn Bảo Việt xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023, định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2024 như sau:

PHẦN I

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

I. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023

1. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT năm 2023

Trong năm 2023, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2023; tổ chức 05 (năm) cuộc họp HĐQT và thực hiện xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản đề tập trung giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề trọng tâm liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt như: xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2023 theo phê duyệt của ĐHCĐ; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Bảo Việt; thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2023; đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT trong năm 2023. Các nghị quyết, quyết định được HĐQT thống nhất là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn hiệu quả.

(Bảng tổng hợp các Nghị quyết, Quyết định HĐQT năm 2023 đã được công bố tại Báo cáo quản trị năm 2023).

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2023:

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT đã tham gia các cuộc họp của HĐQT theo quy định và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể: ✓

- Các thành viên HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế hoạt động của HĐQT trong việc lập và thực hiện chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HĐQT; chỉ đạo, quản lý và giám sát Tổng Giám đốc/Q.Tổng Giám đốc thực hiện các nghị quyết của HĐQT; giao nhiệm vụ để các Ủy Ban trực thuộc HĐQT và Khối Kiểm tra Kiểm toán nội bộ phát huy chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền.

- Các thành viên HĐQT được giao phụ trách các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt, các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt đã chỉ đạo triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2023 của các đơn vị, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023 của toàn Tập đoàn.

3. Thù lao và chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt năm 2023

Về thù lao của HĐQT năm 2023:

- Đối với các thành viên HĐQT không chuyên trách, mức thù lao (bao gồm thuế thu nhập cá nhân) là **20 triệu đồng/người/tháng**.

- Đối với các thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành tại Công ty Mẹ/Công ty Con: hưởng lương theo chế độ tiền lương của Tập đoàn Bảo Việt/Công ty Con.

Về chi phí hoạt động của HĐQT năm 2023:

Tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế chi tiêu nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

(Bảng tổng hợp chi tiết thù lao năm 2023 của các thành viên HĐQT đã được công bố tại Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt).

4. Báo cáo về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Bên có liên quan

Trong năm 2023, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt thông qua hoạt động đầu tư, cung cấp/sử dụng các dịch vụ của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con theo quy định. Thông tin về các giao dịch được công bố tại Báo cáo quản trị năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt.

5. Báo cáo hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị và Khối Kiểm tra Kiểm toán Nội bộ

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT Tập đoàn Bảo Việt bao gồm: Ủy ban Chiến lược & Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm, Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALCO); cùng Khối Kiểm tra Kiểm toán nội bộ có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, tư vấn và đề xuất, khuyến nghị tới HĐQT về các lĩnh vực chiến lược, đầu tư, thù lao, bổ nhiệm, kiểm toán, quản lý tài sản nợ và có, vv của Tập đoàn Bảo Việt.

Trong năm 2023, các Ủy ban trực thuộc HĐQT và Khối Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ đã nghiêm túc thực hiện các công tác chuyên môn, chủ động tham mưu cho HĐQT đối với các vấn đề trọng yếu.

(Báo cáo chi tiết về hoạt động của các Ủy ban và Khối Kiểm tra – Kiểm toán nội bộ đã được công bố tại Báo cáo Quản trị năm 2023 và Báo cáo thường niên 2023 của Tập đoàn Bảo Việt).

6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2023, Tổng Giám đốc/Q.Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, cụ thể:

- Triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt;
- Triển khai chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Triển khai đề án cơ cấu lại Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021-2025;
- Triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT và các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt.

Trong quá trình điều hành, Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy chế nội bộ của Tập đoàn cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

II. Kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023

Năm 2023, HĐQT đã chỉ đạo triển khai toàn diện và kịp thời các Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể:

1. HĐQT đã chỉ đạo triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2023:

Thực hiện phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên 2023, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các giải pháp để triển khai những chỉ tiêu kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2023 với kết quả như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt đạt 57.871 tỷ đồng, hoàn thành 102,7% kế hoạch, tăng trưởng 6,1% so với năm 2022, trong đó doanh thu hoạt động bảo hiểm đạt 43.589 tỷ đồng, hoàn thành 101,7% kế hoạch năm, doanh thu hoạt động tài chính đạt 13.543 tỷ đồng, hoàn thành 104,7% kế hoạch năm, tăng trưởng 36,5%; Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất đạt 2.236 tỷ đồng, hoàn thành 112,4% kế hoạch năm, tăng trưởng 11,2% và lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất đạt 1.860 tỷ đồng, hoàn thành 115,9% kế hoạch năm, tăng 14,4% so năm 2022.

- Tổng doanh thu Công ty Mẹ đạt 1.574 tỷ đồng, hoàn thành 99,6% kế hoạch năm, tăng trưởng 0,6% so với năm 2022; LNNTT đạt 1.121 tỷ đồng, hoàn thành 100,5% kế hoạch năm, tăng trưởng 1,7% so cùng kỳ; LNST đạt 1.116 tỷ đồng, hoàn thành 101,4% kế hoạch năm, tăng trưởng 4,7% so cùng kỳ; Tỷ suất

LNST/Vốn điều lệ đạt 15,0%. (Chi tiết theo báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán và công bố thông tin)

Với kết quả này, Tập đoàn Bảo Việt đã cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023, đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ và quyền lợi cho khách hàng, cổ đông, người lao động và ngân sách nhà nước.

2. HĐQT đã chỉ đạo trích lập các Quỹ theo phê duyệt của ĐHĐCĐ và hoàn thành chi trả cổ tức năm 2022 cho các cổ đông (bắt đầu chi trả từ ngày 28/12/2023) với tỷ lệ 9,54% trên mệnh giá cổ phiếu, tương ứng với số tiền 708.175.916.856 đồng.

3. HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành các Nghị quyết khác của ĐHĐCĐ thường niên 2023

Cụ thể như sau:

- Hoàn thành việc tổ chức đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính các năm 2024, 2025, 2026 của Tập đoàn Bảo Việt theo đúng các quy định có liên quan. Đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

- Phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt.

- Phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021-2025.

- Các nội dung khác liên quan theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023.

4. HĐQT đã chỉ đạo việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ (PHRL) năm 2019 như sau:

- Tổng số vốn huy động thành công: 4.011.741.161.610 đồng
- Tình hình sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2019 đến ngày 31/05/2024 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Mục đích sử dụng vốn	KH đã phê duyệt	TH từ 01/6/2023 đến 31/5/2024	TH đến 31/05/2024	Số tiền chưa sử dụng
1	Tăng vốn cho các Đơn vị thành viên	3.800,00	-	1.850,00	1.950,00
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin	200,00	18,66	160,73	39,27
3	Bổ sung vốn lưu động	11,74	-	11,74	-
	TỔNG	4.011,74	18,66	2.022,47	1.989,27

(Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2019 hàng năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam) *✓*

Nguồn vốn còn lại, trong thời gian chưa sử dụng, Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đầu tư tiên gửi để gia tăng hiệu quả kinh doanh.

III. Báo cáo tình hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt năm 2023

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị doanh nghiệp, HĐQT xác định nâng cao chất lượng quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Bảo Việt nhằm xây dựng một hệ thống quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của Tập đoàn một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

Người Phụ trách Quản trị Tập đoàn đã thực hiện vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty.

Các Báo cáo tình hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2023 được công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Nội dung chi tiết Báo cáo tình hình quản trị năm 2023 cũng đã được công bố tại Báo cáo thường niên 2023 của Tập đoàn Bảo Việt

PHẦN II

BÁO CÁO KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức trực tiếp, trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2024, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 trên toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2024 và bám sát chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035.

- Tiếp tục phát huy những giá trị đã xây dựng và phát triển trong thời gian vừa qua, quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh trong năm 2024, trong đó tập trung đến các vấn đề: (i) Hiện đại hóa hệ thống giao tiếp với khách hàng trên nền tảng công nghệ số, trực tuyến, tạo ra những khác biệt về dịch vụ, sản phẩm. Chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, điều hành; (ii) Tiếp tục thực hiện các bước Quy hoạch nhân sự cấp cao; Thực hiện luân chuyển nội bộ, tận dụng nguồn lực sẵn có; Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc bằng các chỉ tiêu KPI rõ ràng. (iii) Đa dạng hóa sản phẩm và các kênh phân phối, mở rộng mạng lưới, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự khác biệt.

- Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp;

- Phối hợp với các cơ quan quản lý của nhà nước xây dựng hành lang pháp lý, phát triển thị trường, sản phẩm mới; tiếp tục chú trọng triển khai các chương

trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, là doanh nghiệp tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt.

HĐQT thống nhất một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt trình ĐHCĐ như sau:

- Tổng doanh thu dự kiến đạt 1.646 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 1.150 tỷ đồng.

Năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hướng tới phát triển hiệu quả và bền vững, rà soát và bám sát định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tập đoàn Bảo Việt. Để đạt được mục tiêu trên, HĐQT chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc Tập đoàn triển khai thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, chỉ đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu và giải pháp chiến lược trong Chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021-2030 và Đề án Cơ cấu lại Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021 -2025 đã được Bộ Tài chính, Đảng ủy Khối chỉ đạo và ĐHCĐ thường niên 2023 thông qua. Đồng thời, triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các giải pháp của đơn vị để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Thứ hai, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, các cơ quan quản lý chuyên ngành nhằm tư vấn xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động của các đơn vị, nâng cao vị thế của Bảo Việt trên thị trường. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nội bộ phù hợp các quy định pháp luật, tập trung các vấn đề phân cấp phân quyền rõ ràng trong mô hình quản trị.

Thứ ba, tập trung kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy, quyết liệt hoàn thiện mô hình kinh doanh theo định hướng quản trị tập trung về quản lý nghiệp vụ, giải quyết bồi thường, chuyên môn hóa các CTTV theo hướng tập trung vào bán hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trên cơ sở áp dụng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

Thứ tư, nâng cao công tác quản trị nguồn nhân lực, chỉ đạo rà soát, đánh giá, xây dựng kế hoạch về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo tại Tập đoàn và các Đơn vị thành viên, có chính sách luân chuyển cán bộ gắn với đào tạo nhằm tạo nguồn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án Hợp lực Tập đoàn, trong đó tập trung phát triển hoạt động bán chéo sản phẩm giữa Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ để phát huy tối đa sức mạnh, lợi thế cạnh tranh, thế mạnh hiện có của từng đơn vị. Bên cạnh đó, tập trung nâng cao hiệu quả các hoạt động về CNTT, đầu tư, xây dựng và quản lý trụ sở, truyền thông... nhằm tối ưu hóa nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững. ✓

Thứ sáu, rà soát và triển khai hiệu quả công tác an sinh xã hội, các hoạt động vì cộng đồng gắn với phát triển bền vững, hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và quảng bá thương hiệu Bảo Việt.

Thứ bảy, tuyên truyền giáo dục, vận động toàn thể cán bộ, người lao động trong toàn hệ thống chấp hành đúng, đủ các chủ trương, đường lối chỉ đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức thăm hỏi động viên cán bộ hưu trí, cán bộ, nguyên cán bộ, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng trước, vào các dịp ngày Lễ lớn trong năm.

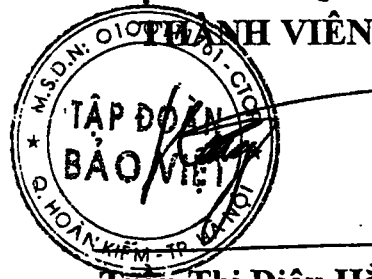
Thay mặt HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin chân thành cảm ơn các Quý vị Cổ đông đã tin tưởng và gắn bó cùng Tập đoàn Bảo Việt trong những năm qua. HĐQT cũng xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình và quý báu của Lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Lãnh đạo Bộ Tài chính và các Cơ quan Nhà nước đã tạo điều kiện cho sự thành công của Bảo Việt ngày hôm nay.

Chúc các Quý vị cổ đông và các vị đại biểu mạnh khỏe và hạnh phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thị Diệu Hằng

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2024

Số: 638/2024/TĐBV-BKS

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Tập đoàn Bảo Việt**

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế hoạt động của BKS và các Quy định có liên quan đến hoạt động của BKS, các Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt (KSV) đã họp và nhất trí thông qua báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2024 của Tập đoàn Bảo Việt (TĐBV) với các nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**1. Các hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2023 - 2024****1.1. Tổng kết các cuộc họp của BKS**

Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2023 - 2024 của TĐBV, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp. Việc tổ chức các cuộc họp của BKS đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS. Các KSV đã tham dự đầy đủ các cuộc họp trực tiếp và biểu quyết theo đúng quy định. Tại các cuộc họp này BKS đã thảo luận và thống nhất thông qua các nội dung chính như sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động của BKS giữa các cuộc họp và thông qua nội dung công việc trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo;
- Thông qua Kế hoạch hoạt động của BKS giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2023 - 2024;
- Thông qua Công văn gửi Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (HĐQT) về việc nhận xét, đánh giá của BKS đối với Dự thảo Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2023 (BCTC); Dự thảo BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2023 theo chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam) soát xét, kiểm toán và một số đề xuất, kiến nghị với HĐQT;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty niêm yết và Báo cáo thường niên 2023 của TĐBV;
- Thông qua các nội dung BKS đã tham gia cho ý kiến đối với một số vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động theo đề nghị của HĐQT trong năm 2023, những tháng đầu năm 2024;
- Thông qua Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 TĐBV.



- Thông qua Kết quả đấu thầu việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC trong các năm tài chính 2024, 2025, 2026 của TĐBV.

1.2. Các hoạt động của BKS

Ngoài các cuộc họp BKS trực tiếp nêu trên, giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2023 - 2024, BKS thường xuyên trao đổi trực tiếp hoặc lấy ý kiến các KSV qua thư điện tử khi có các nội dung cần lấy ý kiến của BKS, ngoài ra còn có các hoạt động khác như:

- Các KSV đã tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, Trưởng BKS còn tham dự các phiên họp khác do TĐBV tổ chức để nắm bắt tình hình và làm cơ sở cho việc giám sát việc quản trị, điều hành Tập đoàn.

- Thực hiện giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét và kiểm toán các BCTC riêng và hợp nhất bán niên 2023 và năm 2023 theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký kết với EY Việt Nam; Tham gia ý kiến với lãnh đạo Tập đoàn trong một số hoạt động quản lý, điều hành;

- Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS, các quy chế nội bộ của TĐBV và các quy định của Pháp luật có liên quan.

2. Thù lao và chi phí hoạt động BKS và từng KSV năm 2023

- Về thù lao của BKS năm 2023:

+ Đối với các KSV không chuyên trách, mức thù lao bao gồm thuế thu nhập cá nhân hàng tháng là 10 triệu đồng/người/tháng.

+ Đối với Trưởng BKS chuyên trách, hưởng lương theo chế độ của TĐBV.

- Về chi phí hoạt động của BKS năm 2023: Tuân thủ theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của TĐBV.

(Chi tiết thù lao năm 2023 của các KSV được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Bảo Việt ngày 05/06/2024 về Công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính).

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH BCTC VÀ NHẬN XÉT CỦA BKS

1. Kết quả giám sát, thẩm định BCTC và kết quả kinh doanh của TĐBV

Năm 2023 tiếp tục là năm Tập đoàn gặp nhiều khó khăn, thách thức, đi kèm với các biến động bất lợi từ thị trường bảo hiểm trong và ngoài nước. Tuy nhiên, nhờ nỗ lực triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp, nắm bắt xu hướng và cơ hội thị trường, Tập đoàn và các Đơn vị thành viên đã hoàn thành các chỉ tiêu tài chính được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua. Trong đó: Công ty Mẹ Tập đoàn đã hoàn thành 99,6% kế hoạch về Tổng doanh thu và thu nhập khác, hoàn thành vượt 1,4% kế hoạch Lợi nhuận sau thuế TNDN; Toàn Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành vượt 2,7% kế hoạch về Tổng doanh thu, hoàn thành vượt 15,9% kế hoạch Lợi nhuận sau thuế TNDN.

Qua giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Q.TGD TĐBV trong năm 2023, thông qua việc thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 của TĐBV theo VAS (đã được kiểm toán), BKS có nhận xét như sau:

1.1. Kết quả giám sát HĐQT

- Năm 2023, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp, trong đó có 04 phiên họp định kỳ và 01 phiên họp bất thường, các cuộc họp của HĐQT đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ hiện hành ngoài ra để ban hành kịp thời các thời các Nghị quyết, Quyết định phục vụ việc chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn thuộc thẩm quyền, HĐQT đã chủ động thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản (trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 82 Nghị quyết, 42 Quyết định).

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2023, đã chỉ đạo Q.TGD và Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành;

- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy được kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo của từng thành viên HĐQT.

Qua việc giám sát, BKS thấy: HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn, các quy định nội bộ của Tập đoàn và quy định của Pháp luật có liên quan. Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ. HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị Tập đoàn. Tuy nhiên, HĐQT Tập đoàn hiện tại vẫn chưa có Thành viên HĐQT độc lập, việc chưa có Thành viên HĐQT độc lập là chưa đáp ứng quy định tại Khoản 4, Điều 276, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Việc kiện toàn bổ sung nhân sự HĐQT thực hiện còn chậm.

1.2. Kết quả giám sát Quyền TGD

Trong năm 2023, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, Q.TGD và những Người quản lý khác đã có sự nỗ lực rất lớn trong công tác quản lý điều hành; đã kịp thời đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn để thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2023 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành.

Qua công tác giám sát, BKS thấy: trong quá trình điều hành Q.TGD đã tuân thủ theo phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy định nội bộ của Tập đoàn cũng như các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo của HĐQT. Q.TGD đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT.

1.3. Kết quả thẩm định BCTC và kết quả kinh doanh năm 2023:

Qua thẩm định các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam, BKS xin báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Về việc thực hiện chế độ kế toán:
- + Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- + Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng, hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ

riêng, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

+ Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

- Về số liệu và kết quả kinh doanh:

BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 của TĐBV theo VAS đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam.

i) **BCTC riêng năm 2023 Công ty Mẹ Tập đoàn:**

Theo BCTC riêng năm 2023 của Công ty Mẹ - TĐBV (đã được kiểm toán), một số chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ TH/KH 2023	Tỷ lệ TH 2023/2022
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.565,02	1.580,35	1.574,06	99,6%	100,6%
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.065,6	1.100,41	1.116,10	101,4%	104,7%
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ	14,35%	14,82%	15,04%	101,4%	104,8%

Qua số liệu kết quả kinh doanh tại Bảng trên cho thấy:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác trong năm 2023 là 1.574,06 tỷ đồng, đạt 99,6% kế hoạch năm và tăng 09 tỷ đồng, tương ứng tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2022.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 1.116,10 tỷ đồng, đạt 101,4% kế hoạch và tăng 51 tỷ đồng, tương ứng tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2022.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ là 15,04%, bằng 101,4% kế hoạch và tăng 4,8% so với năm 2022.

Với kết quả kinh doanh như đã nêu trên, năm 2023 Công ty Mẹ TĐBV đã cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHCĐ thường niên 2023 thông qua. BKS ghi nhận sự nỗ lực, cố gắng của HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2023 trong bối cảnh còn gặp nhiều khó khăn và rủi ro, thách thức.

- Một số chỉ tiêu khác về tài chính năm 2023 của Công ty Mẹ Tập đoàn như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1. Cơ cấu tài sản		

15

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	23,18%	21,37%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	76,82%	78,63%
1.2. Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	1,12%	1,58%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	98,88%	98,42%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (tổng quát) = Tổng tài sản/Nợ phải trả	89,67 lần	63,12 lần
2.2. Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (ngắn hạn) = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	20,93 lần	20 lần

So với thời điểm 31/12/2022, cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn và khả năng thanh toán tại ngày 31/12/2023 đều tốt. Các hệ số khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán ngắn hạn của Tập đoàn đạt ở mức rất cao.

ii) BCTC hợp nhất năm 2023 toàn Tập đoàn:

Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn theo BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2022	So sánh TH 2023/2022		Tỷ lệ TH/ KH 2023 (%)
			Số tiền	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4=2-3)	(5=4/3)	(6)
1. Doanh thu và thu nhập khác	57.871,04	54.539,82	3.331,22	6,1%	102,7%
- Doanh thu hoạt động bảo hiểm	43.588,87	43.901,73	-312,86	-0,7%	101,7%
- Doanh thu hoạt động khác	602,34	607,10	-4,76	-0,8%	108,1%
- Doanh thu hoạt động tài chính	13.543,37	9.922,38	3.620,99	36,5%	104,7%
- Thu nhập khác	34,41	22,16	12,25	55,3%	
- Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	102,05	86,45	15,6	18,0%	
2. Lợi nhuận trước chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	8.298,70	8.311,64	-12,94	-0,2%	
- Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	104,85	613,51	-508,66	-82,9%	

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2022	So sánh TH 2023/2022		Tỷ lệ TH/ KH 2023 (%)
			Số tiền	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4=2-3)	(5=4/3)	(6)
- Lợi nhuận từ các hoạt động khác	18,93	73,43	-54,50	-74,2%	
- Lợi nhuận hoạt động tài chính	8.082,12	7.851,89	230,23	2,9%	
- Lợi nhuận khác	19,29	28,64	-9,35	-32,6%	
- Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	86,45	92,99	-6,54	-7,0%	
3. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	2.236,30	2.010,16	226,14	11,2%	112,5%
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.859,99	1.625,61	234,38	14,4%	115,9%
5. Lợi nhuận thuộc Bảo Việt	1784,86	1.550,99	233,87	15,1%	
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.404	2.039	365	17,9%	

Với kết quả kinh doanh năm 2023 tại bảng trên, BKS thấy:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2023 là 57.871,04 tỷ đồng tăng 3.331,22 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 6,1% so với năm 2022, hoàn thành 102,7% kế hoạch năm 2023. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 đạt 2.236,3 tỷ đồng tăng 226,14 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 11,2% so với năm 2022, hoàn thành 112,5% kế hoạch năm 2023. Trong đó lợi nhuận thu được lớn nhất đến từ hoạt động tài chính.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 là 1.859,99 tỷ đồng, tăng 234,38 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 14,4% so với năm 2022, hoàn thành 115,9% kế hoạch lợi nhuận năm 2023.

- Lợi nhuận thuộc Tập đoàn Bảo Việt năm 2023 là 1.784,86 tỷ đồng tăng 233,87 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 15,1% so với năm 2022.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 là 2.404 đồng/cổ phiếu tăng 365 đồng/1 cổ phiếu tương ứng tỷ lệ tăng 17,9% so với năm 2022.

Mặc dù năm 2023 còn gặp nhiều khó khăn và chịu ảnh hưởng nhiều từ rủi ro thị trường bảo hiểm nhưng toàn Tập đoàn đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận hợp nhất so với kế hoạch.

Các chỉ tiêu về tài sản và nguồn vốn của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2023 theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán, BKS xin tóm lược như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Tài sản	Ngày 31/12/2023	Ngày 31/12/2022	So sánh 31/12/2023 với 31/12/2022	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4=2-3)	(5=4/3)
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn	122.398,18	117.373,07	5.025,10	4,3%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.783,51	2.206,50	2.577,02	116,8%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	101.565,79	102.407,69	-841,90	-0,8%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	12.278,03	9.015,46	3.262,57	36,2%
4. Hàng tồn kho	113,32	130,66	-17,34	-13,3%
5. Tài sản ngắn hạn khác	655,67	662,94	-7,27	-1,1%
6. Tài sản tái bảo hiểm	3.001,86	2.949,83	52,03	1,8%
B. Tài sản dài hạn	98.703,43	84.290,90	14.412,52	17,1%
1. Các khoản phải thu dài hạn	84,37	83,37	1,00	1,2%
2. Tài sản cố định	1.815,50	1.886,46	-70,95	-3,8%
3. Bất động sản đầu tư	45,39	45,39	0,00	0,0%
4. Tài sản dở dang dài hạn	374,59	434,31	-59,73	-13,8%
5. Đầu tư tài chính dài hạn	96.200,74	81.637,58	14.563,16	17,8%
6. Tài sản dài hạn khác	182,84	203,80	-20,96	-10,3%
Tổng tài sản	221.101,60	201.663,98	19.437,63	9,6%
NGUỒN VỐN				
C. Nợ phải trả	198.842,58	180.393,02	18.449,56	10,2%
1. Nợ ngắn hạn	30.823,02	32.503,86	-1.680,84	-5,2%
2. Nợ dài hạn	168.019,56	147.889,16	20.130,40	13,6%
D. Vốn chủ sở hữu	22.259,02	21.270,96	988,07	4,6%
Tổng nguồn vốn	221.101,60	201.663,98	19.437,63	9,6%

Qua số liệu được tổng hợp nêu trên BKS thấy:

Tổng tài sản/Tổng nguồn vốn của BCTC hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 là 221.101,60 tỷ đồng, tăng 19.437,63 tỷ đồng và tương ứng tỷ lệ tăng 9,6% so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó:

- Về tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn tăng thêm 5.025,10 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng so với năm 2022 là 4,3%. Trong đó ảnh hưởng tăng thêm chủ yếu do: i) Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 2.577,02 tỷ đồng tương ứng tăng 116,8%; ii) Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 3.262,57 tỷ đồng tương ứng tăng 36,2% so với năm 2022.

+ Tài sản dài hạn tăng thêm 14.412,52 tỷ đồng tương ứng tăng 17,1% so với năm 2022. Ảnh hưởng tăng chủ yếu đến từ Khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng 14.563,16 tỷ đồng tương ứng tăng 17,8% so với năm 2022.

Các khoản khác cơ bản ảnh hưởng không lớn tới sự biến động tăng thêm của tài sản.

- Về nguồn vốn: Nguồn vốn tăng thêm chủ yếu do Khoản nợ dài hạn tăng thêm 20.130,4 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 13,6% và Khoản nợ ngắn hạn giảm 1.680,84 tỷ đồng tương ứng giảm 5,2%.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tổng tài sản ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn):

Hệ số thanh toán ngắn hạn có sự biến động không đáng kể so với năm 2022, tại thời điểm 31/12/2023 hệ số này là 3,97 lần trong khi tại thời điểm 31/12/2022 hệ số này là 3,61 lần, tăng 0,36 lần.

- Khoản mục Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 là 22.259,02 tỷ đồng tăng 988,07 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 4,6% so với thời điểm 31/12/2022 chủ yếu do trích tăng Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính: 640,64 tỷ đồng và Khoản lợi nhuận chưa phân phối tăng 239,91 tỷ đồng.

1.4. Kết quả giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023

- Với kết quả kinh doanh như đã nêu tại mục 1.3(i) ở trên, năm 2023 Công ty Mẹ Tập đoàn đã hoàn thành 99,6% kế hoạch về Tổng doanh thu và thu nhập khác, hoàn thành 104,7% kế hoạch Lợi nhuận sau thuế TNDN; Toàn Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành 102,7% kế hoạch về Tổng doanh thu, hoàn thành 115,9% kế hoạch Lợi nhuận sau thuế TNDN.

- Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2022 theo tỷ lệ 9,54%/mệnh giá cổ phiếu tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng với tổng số tiền đã chi trả là 708.175.916.856 đồng, đã trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 29/06/2023 của ĐHĐCĐ thường niên 2023.

- Tập đoàn đã hoàn thành việc tổ chức đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC các năm 2024, 2025, 2026 theo đúng các quy định có liên quan, đơn vị được trúng thầu là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

2. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt, Công ty con, công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với doanh nghiệp trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tập đoàn Bảo Việt là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp đó trong 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

Qua công tác giám sát, BKS thấy:

- Giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với người có liên quan của Tập đoàn; hoặc giữa Tập đoàn với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Trong năm 2023 Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện giao dịch với các bên có liên quan bao gồm: các công ty con của Tập đoàn thông qua hoạt động đầu tư và cung cấp/nhận cung cấp dịch vụ, giao dịch với cổ đông lớn. Trong đó có các giao dịch lớn như: đã chi 616.718.280.340 đồng là số tiền cổ tức năm 2022 Tập đoàn thanh toán cho các cổ đông lớn (Bộ Tài chính: 460.314.349.200 đồng; Sumitomo Life Insurance: 156.403.931.634 đồng)

14

theo Nghị quyết ĐHCĐTN 2023. Các trường hợp về hợp đồng và giao dịch còn lại đều có giá trị nhỏ hơn 10% Tổng tài sản của Tập đoàn ghi trong BCTC gần nhất. Do đó theo quy định tại Khoản 5(a) Điều 40 của Điều lệ Tập đoàn hiện hành các hợp đồng và giao dịch này đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Tập đoàn. Việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch này đều được Tập đoàn thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT tại các Nghị quyết của HĐQT; các hợp đồng và giao dịch được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

(Chi tiết giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với người có liên quan và cổ đông lớn của Tập đoàn được báo cáo tại Mục VII của Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2023 theo Công văn số 136/2024/BC-TĐBV ngày 30/01/2024 đã được Tập đoàn Bảo Việt công bố thông tin trên website của Tập đoàn theo đường dẫn: <https://baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong/Cong-bo-thong-tin/ArticleList/42/>).

- Giao dịch giữa người nội bộ Tập đoàn Bảo Việt, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát: không có.

- Giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với các đối tượng khác:

+ Không có giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Công ty mà thành viên HĐQT, KSV, Q.TGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

+ Không có giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Công ty mà người có liên quan của Thành viên HĐQT, KSV, Q.TGD là thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD).

- Không có các giao dịch khác của Tập đoàn Bảo Việt (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, KSV, Q.TGD.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Q.TGD và cổ đông

- Giữa hai kỳ ĐHCĐ thường niên 2023 - 2024, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Q.TGD trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn, của cổ đông và theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn. Các KSV đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, Trưởng BKS được mời tham dự một số cuộc họp khác của Tập đoàn.

- Đối với cổ đông: giữa hai kỳ ĐHCĐ thường niên 2023 - 2024, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

III. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ KSV

1. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS

Ban Kiểm soát có 03 KSV, trong đó có Trưởng BKS chuyên trách và 02 KSV kiêm nhiệm. Các KSV đều hoạt động độc lập, không phải là Người quản lý Tập đoàn, không làm việc tại bộ phận Kế toán của Tập đoàn hoặc Kiểm toán viên độc lập kiểm toán BCTC của Tập đoàn. Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ Tập đoàn, với kết quả hoạt động như đã nêu trên, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS đã thực hiện đúng chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Q.TGD qua việc quản trị và điều hành Tập đoàn.

- Đã hoàn thành tốt việc thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên/báo cáo năm 2023 theo VAS đã được EY Việt Nam kiểm toán.

- Qua thực hiện nhiệm vụ, BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Q.TGD để tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, giảm thiểu rủi ro nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh doanh bền vững của Tập đoàn.

- BKS đã tổ chức các phiên họp định kỳ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế hoạt động của BKS. Để giải quyết kịp thời các công việc phát sinh, BKS thường xuyên trực tiếp trao đổi hoặc lấy ý kiến các KSV qua thư điện tử.

- BKS đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tập đoàn và Quy chế hoạt động của BKS. Các quyết định của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các kiểm soát viên

- Trên cơ sở Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS, Bản phân công nhiệm vụ đối với các KSV, các KSV đều đã tích cực tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, các phiên họp BKS, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

- Trong các phiên họp và các hoạt động của BKS, các KSV đều làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp các ý kiến quan trọng, tuân thủ đúng Điều lệ Tập đoàn và Quy chế hoạt động của BKS.

Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các KSV luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng, lấy việc bảo vệ lợi ích của Tập đoàn và cổ đông là nhiệm vụ trọng tâm; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

GIỮA 2 KỲ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2024 - 2025

Căn cứ nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định có liên quan đến hoạt động của BKS, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2024 - 2025 như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS được quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS, các quy định nội bộ của Tập đoàn và Pháp luật có liên quan.

- Thực hiện giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Q.TGD/TGD, Người quản lý khác.

- Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và công tác lập, kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; việc thực hiện kiến nghị tại Thư quản lý năm 2023 đối với Tập đoàn của đơn vị Kiểm toán độc lập.

- Thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên và năm 2024.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, tham dự các phiên họp khác do Tập đoàn tổ chức để nắm bắt tình hình và thực hiện việc giám sát công tác quản trị và điều hành Tập đoàn.

- Trình báo cáo thẩm định BCTC, báo cáo tình hình kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn, báo cáo giám sát, đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Q.TGD/TGD và báo cáo hoạt động của BKS lên ĐHĐCĐ thường niên 2025.

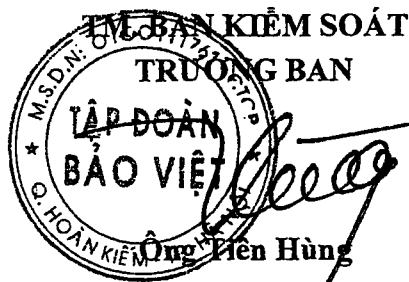
V. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Từ những nội dung nêu trên, BKS báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 xem xét, phê duyệt thông qua Báo cáo hoạt động của BKS TĐBV giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2023 - 2024 và kế hoạch hoạt động giữa 02 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2024 - 2025.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Q. TGD;
- Lưu: VT, BKS.



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Số: 72/2024/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao đối với thành viên
Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên năm tài chính 2023
và đề xuất mức thù lao năm tài chính 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 của Tập đoàn Bảo Việt

Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 29/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Tập đoàn Bảo Việt;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2023 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2024 của Tập đoàn Bảo Việt;

Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt kính trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét, phê duyệt việc chi trả thù lao đối với Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên trong năm tài chính 2023 và mức thù lao kế hoạch năm tài chính 2024, cụ thể như sau:

1. Về việc chi trả thù lao trong năm tài chính 2023

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 29/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Tập đoàn Bảo Việt, kết quả kinh doanh năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt và mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2023 của Người quản lý chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt mức thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2023 như sau:

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (bao gồm thuế TNCN): 20 triệu đồng/người/tháng;

- Mức thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách (bao gồm thuế TNCN): 10 triệu đồng/người/tháng.

Quỹ thù lao thực hiện năm 2023 được xác định trên cơ sở số người quản lý không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm và thời gian làm việc thực tế của từng thành viên là 1.680.000.000 đồng, trong đó:



- Quỹ thù lao của Hội đồng Quản trị là: 1.440.000.000 đồng;
- Quỹ thù lao của Ban Kiểm soát: 240.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt việc quyết toán số tiền thù lao đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2023 theo số liệu thực tế đã chi.

2. Đề xuất mức thù lao trong năm tài chính 2024

Căn cứ chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế kế hoạch năm 2024 trên 1.000 tỷ đồng; Căn cứ Điều 16, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội,

Tập đoàn Bảo Việt đề xuất mức thù lao kế hoạch 2024 bằng mức thực hiện năm 2023 như sau:

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (bao gồm thuế TNCN): 20 triệu đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách (bao gồm thuế TNCN): 10 triệu đồng/người/tháng.

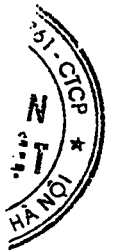
Việc quyết toán số tiền thù lao trong năm 2024 được xác định dựa trên số thành viên không chuyên trách Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, thời gian làm việc thực tế trong năm 2024 và mức thù lao trên. Mức thù lao trên có thể được điều chỉnh theo kết quả thực hiện kế hoạch lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 20% mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.



TỜ TRÌNH**Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt**

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt,

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận thực hiện sau thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là lợi nhuận sau thuế) năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023

- Tổng lợi nhuận sau thuế là: **1.116.098.499.386 đồng**.

- Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: **334.829.549.816 đồng**, bằng 30% LNST.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng cho người quản lý:

Căn cứ vào lợi nhuận thực hiện năm 2023 sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, các thành viên góp vốn theo quy định của Nhà nước; Điều 8, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ; Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt:

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động: **35.696.607.682 đồng**, tương đương 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động và 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, bằng 3,2% LNST.

• Trích quỹ thưởng cho người quản lý: **490.948.398 đồng**, tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách, bằng 0,04% LNST.

+ Cổ tức năm 2023: Sau khi thực hiện trích lập các quỹ theo quy định, lợi nhuận sau thuế còn lại của năm tài chính 2023 là 745.081.393.490 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2022 là 42.026.374 đồng, tổng lợi nhuận còn lại của 02 năm là 745.123.419.864 đồng, thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền, làm tròn ở mức 10,037% trên mệnh giá cổ phiếu (tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng), tương đương **745.069.358.227 đồng**.

Phần lợi nhuận năm 2023 còn lại (54.061.637 đồng) dùng để bổ sung vào nguồn chia cổ tức cho các năm sau.



2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt,
Hội đồng Quản trị dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024
như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 dự kiến là: 1.150 tỷ đồng; Tỷ lệ Lợi nhuận
sau thuế/Vốn điều lệ (7.423,2 tỷ đồng) dự kiến là 15,5%.

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 dự kiến như sau:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển tối đa bằng 30% lợi nhuận sau thuế.

+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng của
người quản lý: Căn cứ vào lợi nhuận thực hiện năm 2024 sau khi hoàn thành nghĩa
vụ với Nhà nước, các thành viên góp vốn theo quy định của Nhà nước; Điều 8, Nghị
định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-
BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Điều lệ Tập đoàn Bảo
Việt.

+ Chi trả cổ tức năm 2024: Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức bằng
tiền cho các cổ đông theo quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

Trên đây là phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 và kế hoạch
phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt. Hội đồng Quản trị
kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

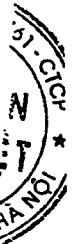
Nơi nhận: *TT*

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thị Diệu Hằng



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 15)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tập đoàn Bảo Việt

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ tình hình thực tế, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua nội dung như sau:

1. Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt theo *Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (lần thứ 15)* đính kèm Tờ trình này.

2. Chi tiết dự thảo Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 15) đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGĐ;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thị Diệu Hằng



**BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (LẦN THỨ 15)**

(Kèm theo Tờ trình số 14/2024/TTr-HĐQT ngày 01/6/2024 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt về việc thông qua Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi bổ sung lần thứ 15)

Trong Bảng giải trình sửa đổi này, những nội dung bổ sung là những nội dung được in đậm, in nghiêng (*aaa*);

STT	Mục/Điều, Khoản	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). <i>Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</i>	Chỉnh sửa, bổ sung để rõ nghĩa hơn và phù hợp với Khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020.
2.	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm/Chi nhánh, Chánh Văn phòng (và tương đương) và các chức danh khác.	Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khởi, Ban/Giám đốc—Trung tâm/Chi <i>nhánh, Trưởng Ban/</i> Chánh Văn phòng/ <i>Giám đốc Trung tâm</i> (và tương đương) và các chức danh khác.	Phù hợp với mô hình tổ chức của Tập đoàn Bảo Việt.



Shy



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ mười lăm)



Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tập đoàn	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn.....	10
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 10. Thu hồi cổ phần	13
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	13
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	13
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 12. Quyền của cổ đông	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	15
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền dự họp.....	20
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	20
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	29

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	31
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	35
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	35
Điều 31. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	39
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tập đoàn.....	40
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	41
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	41
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	41
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	41
IX. BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	42
Điều 37. Kiểm soát viên.....	43
Điều 38. Ban kiểm soát	44
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	45
Điều 39. Trách nhiệm cần trọng.....	45
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	45
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	47
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TẬP ĐOÀN	48
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	48
XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ.....	49
Điều 43. Tổ chức Đảng, đoàn thể.....	49
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	50
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	50
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	51
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	51
Điều 46. Năm tài chính.....	51
Điều 47. Chế độ kế toán	52
Điều 48. Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác	52
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	52

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	52
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	53
XVI. KIỂM TOÁN TẬP ĐOÀN.....	53
Điều 51. Kiểm toán	53
XVII. CON DẤU & CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ	53
Điều 52. Con dấu và chứng từ điện tử	53
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	53
Điều 53. Chấm dứt hoạt động.....	53
Điều 54. Thanh lý.....	54
XIX. THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	54
Điều 55. Thông báo	54
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	55
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	55
Điều 57. Điều lệ Tập đoàn.....	55
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	55
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	55

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn Bảo Việt ngày 26 tháng 06 năm 2024 (sau đây gọi tắt là "Điều lệ").

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "**Luật doanh nghiệp**" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

d. "**Luật chứng khoán**" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

e. "**Ngày thành lập**" là ngày Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

f. "**Người quản lý doanh nghiệp**" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn, Kế toán trưởng Tập đoàn;


g. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn;

h. "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tập đoàn Bảo Việt trong các trường hợp được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

i. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tập đoàn;

j. "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Tập đoàn;

k. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;



l. "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Tập đoàn được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn thông qua bằng nghị quyết;

m. "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

n. "**Tập đoàn**" là Tập đoàn Bảo Việt, công ty mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

o. "**Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt**" là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác, bao gồm có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác.

p. "**Công ty con**" là bất kỳ công ty nào mà trong đó Tập đoàn: (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Thành viên/Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó.

q. "**Công ty liên kết**" là doanh nghiệp mà Tập đoàn không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tập đoàn.

r. "**Sở giao dịch chứng khoán**" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tập đoàn

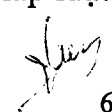
1. Tên Tập đoàn

- Tên Tập đoàn viết bằng tiếng Việt: TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

- Tên Tập đoàn viết bằng tiếng Anh: BAOVIET HOLDINGS

- Tên Tập đoàn viết tắt: TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

2. Tập đoàn là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.



3. Trụ sở đăng ký của Tập đoàn là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại:(84.24) 392899999/(84.24) 39289898

- Fax:(84.24)39289609/(84.24) 39289610

- E-mail: service@baoviet.com.vn

- Website:www.baoviet.com.vn

4. Tập đoàn có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tập đoàn phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tập đoàn bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn

Tập đoàn có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

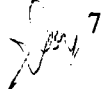
Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn là cá nhân đại diện cho Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tập đoàn, đại diện cho Tập đoàn với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn như sau:

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
1.	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
2.	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Hoạt động kinh doanh bất động sản (trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);

 7

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
		(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)
3.	6201	Lập trình máy vi tính
4.	6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
5.	6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
6.	6312	Công nghệ thông tin
7.	6209	<p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng; Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng; Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Dịch vụ khôi phục dữ liệu; Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng; Dịch vụ tích hợp hệ thống, công nghệ thông tin; Dịch vụ lưu trữ thông tin; Dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá), thương mại trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, liên kết xuất bản sách điện tử, lưu trữ dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu; Cung cấp các giải pháp thông tin trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử, đấu giá trên Internet; Cung cấp dịch vụ phần mềm và nội dung: tư vấn phần mềm, tích hợp, cung cấp hệ thống, dịch vụ chuyên nghiệp và phần mềm, dịch vụ huấn luyện và đào tạo công nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép); Thiết kế và phát triển hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin; Triển khai và hỗ trợ hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin.</p>
8.	9511	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi
9.	1820	Sao chép bản ghi các loại
10.	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
11.	8559	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin ; - Giáo dục dự bị; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính;</p>
12.	5820	Xuất bản phần mềm
13.	6622	<p>Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (không bao gồm bảo hiểm y tế)</p> <p>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý và môi giới (trung gian bảo hiểm) bảo hiểm trong việc bán, thương lượng hoặc tư vấn về chính sách bảo hiểm.</p>
14.	8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
15.	6190	<p>Hoạt động viễn thông khác</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ ứng dụng viễn thông; Cung cấp các thiết bị bưu chính viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý cung cấp dịch vụ thoại và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nền Internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định; Cung cấp nội dung thông tin và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng internet, mạng thông tin đại chúng qua điện thoại di động, truyền hình (trừ loại Nhà nước cấm); Đại lý cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng khác cho người dùng Internet, thuê bao điện thoại di động và thuê bao điện thoại cố định; Cung cấp dịch vụ tích hợp viễn thông, công nghệ thông tin; Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.</p>
16.	7020	Hoạt động tư vấn quản lý
17.	7730	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển</p>
18.	6399	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu

2. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn là sử dụng vốn, tài sản, bộ máy quản lý, kỹ năng, lực lượng lao động và khả năng của các cổ đông để tăng tối đa lợi nhuận của Tập đoàn, tăng giá trị cổ phần cho cổ đông và tái đầu tư để duy trì và phát triển Tập đoàn.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn

1. Tập đoàn được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tập đoàn.

2. Tập đoàn có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều lệ của Tập đoàn là bảy nghìn bốn trăm hai mươi ba tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn (7.423.227.640.000) Việt Nam Đồng.

Tổng số Vốn điều lệ của Tập đoàn được chia thành bảy trăm bốn mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi tư (742.322.764) cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là mười nghìn Việt Nam Đồng (10.000 VNĐ/Cổ phần).

2. Tập đoàn có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tập đoàn vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tập đoàn có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tập đoàn, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Các cổ đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển nhượng quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tập đoàn quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với các điều kiện không

thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Số cổ phần được quyền chào bán của Tập đoàn là tổng số cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Giá bán cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ;

b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu hoặc số chiết khấu phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông; hoặc

c. Cổ phần chào bán cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

d. Các trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

8. Tập đoàn có thể mua cổ phần do chính Tập đoàn đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tập đoàn mua được xử lý theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

9. Tập đoàn có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp Tập đoàn phát hành trái phiếu có khả năng chuyển đổi thành cổ phần thì các trái phiếu này phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tập đoàn tại thời điểm phát hành, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tập đoàn được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong trường hợp cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phần tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tập đoàn phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tập đoàn. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp. Liên quan tới cổ phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng nhận cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tập đoàn hoặc trong thời hạn (60) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tập đoàn, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tập đoàn chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tập đoàn.

5. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào liên quan tới bất kỳ cổ đông nào mà dẫn tới hoặc có thể dẫn tới việc phải điều chỉnh các nội dung trong sổ đăng ký cổ đông, thì cổ đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc công ty chứng khoán nơi cổ đông lưu ký để Tập đoàn/công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông.

Tập đoàn sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Tập đoàn không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho cổ đông do địa chỉ của cổ đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tập đoàn (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tập đoàn.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tập đoàn.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tập đoàn bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tập đoàn, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách

nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Tiếp cận thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tập đoàn, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Tập đoàn giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tập đoàn sau khi Tập đoàn đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tập đoàn theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tập đoàn; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu

khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tập đoàn.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định trong ứng tại Điều 25, Điều 36 Điều lệ này và theo quy định như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Việc cử, chỉ định, thay đổi người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và các nội dung liên quan khác được thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật doanh nghiệp. Tổ chức là cổ đông của Tập đoàn sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tập đoàn được cử người đại diện theo ủy quyền với số lượng không hạn chế.

6. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tập đoàn và các quy chế nội bộ của Tập đoàn; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;



- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (với điều kiện cổ đông đã trực tiếp đăng ký số fax, địa chỉ thư điện tử trước đó với Tập đoàn).
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tập đoàn dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tập đoàn.
 9. Bảo mật các thông tin được Tập đoàn cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tập đoàn cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 10. Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tập đoàn có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tập đoàn phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các

nội dung liên quan và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán/soát xét phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 170 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật doanh nghiệp kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này (ngoại trừ trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3)) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3



Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tập đoàn hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn.

e. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn.

g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

h. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên từng nhiệm kỳ;

d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tập đoàn;

h. Quyết định việc huy động vốn dưới các hình thức làm thay đổi số lượng cổ phần của Tập đoàn; loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tập đoàn;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tập đoàn và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tập đoàn và cổ đông;

l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

m. Quyết định cho thuê, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất.

n. Quyết định phương án huy động vốn dưới các hình thức không làm thay đổi số lượng cổ phần của Tập đoàn có mức huy động bằng hoặc lớn hơn 10% giá trị tổng tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

o. Quyết định việc bồi thường, xử lý các tài sản bị tổn thất có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

q. Tập đoàn ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/soát xét;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

s. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

t. Hàng năm, phê duyệt tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư và phát triển của Tập đoàn Bảo Việt căn cứ trên đề xuất của Hội đồng Quản trị; Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch, phương án sử dụng Quỹ đầu tư và phát triển hàng năm;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền dự họp

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tập đoàn).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tập đoàn nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông

(hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tập đoàn không bị thay đổi khi Tập đoàn phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp

đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tập đoàn ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức

bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tập đoàn phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

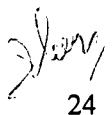
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.



10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tập đoàn tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

13. Họp bằng công nghệ

a. Các công nghệ sau có thể được sử dụng để tổ chức một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Video; (ii) Điện thoại; (iii) Công nghệ khác cho phép mỗi cổ đông giao tiếp với từng cổ đông khác; hoặc (iv) Kết hợp các công nghệ này.

b. Trường hợp tất cả các cổ đông không cùng dự họp tại một địa điểm trong một cuộc họp sử dụng công nghệ và mỗi cổ đông có thể giao tiếp với các cổ đông khác thì các cổ đông tham gia được xem là tập họp cùng nhau tại một cuộc họp và trực tiếp có mặt tại cuộc họp đó, và mọi tiến trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo cách đó là hợp pháp và có hiệu lực như được tiến hành tại một cuộc họp mà tất cả các cổ đông thực tế có mặt tại cùng một địa điểm.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây chỉ được thông qua khi có từ 85% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi

= trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 20 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tập đoàn.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tập đoàn theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử (với điều kiện số fax, địa chỉ thư điện tử của cổ đông đã được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Tập đoàn tại Danh sách cổ đông có liên quan; trong trường hợp cổ đông chưa đăng ký số fax, địa chỉ thư điện tử với Trung tâm Chứng khoán Việt Nam thì phải trực tiếp đăng ký số fax, địa chỉ thư điện tử của mình với Tập đoàn trước khi thực hiện biểu quyết theo quy định tại điểm này): Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tập đoàn nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành doanh nghiệp/Người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tập đoàn có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

9. Trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 22 của Điều lệ này, nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

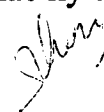
10. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xétgần nhất, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên

 28

trên biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến

ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị tại công ty khác);

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tập đoàn, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn;

g. Các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế được Tập đoàn quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ bảy (07) đến mười một (11) thành viên (hoặc một số lượng khác phù hợp với pháp luật tại từng thời điểm), số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng

thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo theo quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp và trong các trường hợp sau:

a. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

d. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và có thể không phải là cổ đông của Tập đoàn.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Tập đoàn; điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết để phù hợp với thực tế hoạt động; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Bổ nhiệm và miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn và/hoặc phân cấp, giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tập đoàn;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

p. Thực hiện hoặc phân cấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn tại các doanh nghiệp do Tập đoàn nắm giữ vốn góp, cổ phần;

q. Cử hoặc phân cấp cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định số tiền thù lao và lợi ích khác của những người đó trên cơ sở đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Tập đoàn;

r. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

s. Ban hành các định mức chi phí và các định mức khác cho Ban kiểm soát, bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị và cho hội đồng thành viên, kiểm soát viên của các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ;

t. Quyết định cho thuê, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

u. Quyết định phương án huy động vốn dưới các hình thức không làm thay đổi số lượng cổ phần của Tập đoàn (bao gồm việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền) mà có mức huy động nhỏ hơn 10% giá trị tổng tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

v. Quyết định việc bồi thường, xử lý các tài sản bị tổn thất có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

x. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tập đoàn;

y. Thành lập các công ty con của Tập đoàn;

aa. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tập đoàn;

bb. Phân cấp quản lý cán bộ (bao gồm các chức danh cán bộ tại Tập đoàn và tại các doanh nghiệp do Tập đoàn sở hữu cổ phần, phần vốn góp);

cc. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

dd. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

ee. Việc định giá tài sản góp vào Tập đoàn không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tập đoàn, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

ff. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

gg. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tập đoàn;

hh. Các vấn đề khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12

năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể giao, phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác đại diện ký kết tài liệu và tổ chức thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê chuẩn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này. Việc giao, phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác được quy định cụ thể tại văn bản nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt do Hội đồng quản trị ban hành, phù hợp với Điều lệ Tập đoàn và tuân thủ quy định của Pháp Luật liên quan.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn phải được báo cáo tại Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao bổ sung và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có thể bầu ra một (01) hoặc nhiều hơn một (01) Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết).

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ trong phạm vi được Chủ tịch phân công, ủy quyền. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành, thực hiện các công việc cần thiết để Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tập đoàn, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có đơn từ chức hoặc quyết định bãi nhiệm.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít

nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành doanh nghiệp khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

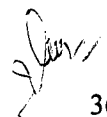
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tập đoàn.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tập đoàn hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tập đoàn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.



8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản) để thông qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn; Đối với các nội dung Chủ tịch Hội đồng quản trị không được biểu quyết theo quy định tại điểm b Khoản 11 Điều này, người chủ trì lấy ý kiến sẽ được chỉ định theo các nguyên tắc tương tự tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị. Thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề/nội dung cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến và họ tên, phân ký của thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến. Sau khi nhận được thư lấy ý kiến, trong thời hạn ghi trên thư lấy ý kiến, thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi ý kiến bằng văn bản của mình đến Tập đoàn bằng các hình thức sau: (i) gửi trực tiếp cho Người phụ trách quản trị Tập đoàn/Hội đồng quản

trị (bao gồm cả gửi qua đường bưu điện); hoặc (ii) gửi qua thư điện tử/fax hoặc phương thức giao dịch điện tử hợp pháp khác cho Người phụ trách quản trị Tập đoàn/Hội đồng quản trị (mà hình thức/phương thức giao dịch đó đã được đăng ký trước với Tập đoàn).

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban kiểm soát nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết và Ban kiểm soát chấp thuận và ngược lại. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đại diện của Ban kiểm soát (nếu đại diện Ban kiểm soát chứng kiến việc kiểm phiếu).

d. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến sẽ là ý kiến quyết định.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 31. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Các ủy ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên của ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, các ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các ủy ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của ủy ban nhưng: (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của ủy ban và (b) nghị quyết về các vấn đề thuộc

thẩm quyền của các ủy ban đó chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Hội đồng quản trị quyết định chi phí hoạt động hàng năm của các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị từ nguồn chi phí hoạt động hàng năm của Tập đoàn.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tập đoàn

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm “Người phụ trách quản trị Tập đoàn” để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tập đoàn tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối/ Giám đốc /Chi nhánh, Trưởng Ban/Chánh Văn phòng/Giám đốc Trung tâm (và tương đương) và các chức danh khác.

Điều 34. Người điều hành Tập đoàn

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tập đoàn được tuyển dụng Người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tập đoàn do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán đề hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tập đoàn.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Xây dựng và đệ trình kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn trình Hội đồng quản trị; Tổ chức, thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và

Đại hội đồng cổ-đông, kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn đã được Hội đồng quản trị hoặc/và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tập đoàn ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tập đoàn theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại chức danh Người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý khác mà Tập đoàn cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý khác;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Chuẩn bị các bản kế hoạch chiến lược dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn. Kế hoạch kinh doanh hàng năm phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tập đoàn. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình kế hoạch kinh doanh sơ bộ cho năm tài chính tiếp theo lên Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét phê chuẩn, thực hiện tạm giao kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp với kế hoạch, chiến lược tài chính năm (05) năm và phù hợp với dự báo thị trường năm kế hoạch.

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tập đoàn;

g. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tập đoàn, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền

gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tập đoàn là từ ba (03) đến (05) người. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp.



Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; cuộc họp Ban kiểm soát; thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tập đoàn theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám

độc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các lợi ích khác bổ sung (nếu có) cho Kiểm soát viên chuyên trách trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Tập đoàn (kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị).

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tập đoàn vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng hoặc tiết lộ những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp, Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa

vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, khi Hội đồng quản trị được thông báo về các hợp đồng liên quan, các hợp đồng đó có thể tiếp tục nếu được đa số các thành viên khác của Hội đồng quản trị đồng ý. Tuy nhiên, các thành viên của Hội đồng quản trị sẽ cần phải đảm bảo rằng bất kỳ xung đột lợi ích nào cũng sẽ được điều hòa một cách thích hợp. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tập đoàn mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều này.

5. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người có liên quan sau đây: (i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp. Cụ thể:

a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/soát xét. Trường hợp này, người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và

gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tập đoàn hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tập đoàn bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tập đoàn là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tập đoàn ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tập đoàn với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tập

đoàn được Tập đoàn bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tập đoàn là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cân trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tập đoàn có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TẬP ĐOÀN

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tập đoàn. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tập đoàn, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tập đoàn vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tập đoàn phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

4. Điều lệ Tập đoàn phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

Điều 43. Tổ chức Đảng, đoàn thể

Tổ chức Đảng, đoàn thể của Tập đoàn Bảo Việt gồm Đảng ủy Tập đoàn, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ và các tổ chức đoàn thể khác được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật.

1. Đảng ủy Tập đoàn là cấp ủy trực thuộc, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương. Đảng ủy Tập đoàn có chức năng chỉ đạo, lãnh đạo toàn diện việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và thực hiện nhiệm vụ chính trị nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa người lao động và Tập đoàn.

Đảng ủy tạo sự đoàn kết, đồng thuận trong doanh nghiệp để Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Tập đoàn thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Tập đoàn có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi để Đảng ủy thực hiện công tác Đảng trong Tập đoàn theo quy định của Hiến Pháp, Pháp luật và Điều lệ Đảng.

Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc giữ quan hệ phối hợp chặt chẽ theo các quy định về phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trên cơ sở phân cấp quản lý cán bộ của Đảng ủy và quy định của Tập đoàn, khi thực hiện công tác cán bộ chủ chốt của Tập đoàn, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có văn bản gửi Đảng ủy xin ý kiến về nội dung dự kiến thực hiện. Căn cứ ý kiến bằng văn bản của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định về công tác cán bộ chủ chốt theo các quy định của Tập đoàn. Thông qua các cấp ủy Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc lãnh đạo cán bộ, đảng viên triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Đảng góp phần hoàn thành chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc.

Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn lãnh đạo, chỉ đạo Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh và các tổ chức đoàn thể khác thuộc Tập đoàn thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đoàn thể đó đồng thời triển khai, thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn.

2. Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội của người lao động Tập đoàn, chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy Tập đoàn. Công đoàn đại diện cho người lao động, cùng với đoàn thể khác trong Tập đoàn chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Lãnh đạo Tập đoàn; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh, xây dựng Tập đoàn ngày càng phát triển vững mạnh.

3. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam là người lao động của Tập đoàn là những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Tập đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho đoàn viên, thanh niên. Đoàn thanh niên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Lãnh đạo Tập đoàn để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Đoàn, góp phần xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên ngày càng phát triển vững mạnh tại Tập đoàn Bảo Việt.

4. Hội Cựu chiến binh Tập đoàn là tổ chức xã hội - chính trị của các cựu chiến binh thuộc các lực lượng vũ trang và bán vũ trang qua các thời kỳ, là người lao động đã và đang làm việc tại Tập đoàn. Hội phụ nữ Tập đoàn là tổ chức, chính trị - xã hội của người lao động nữ tại Tập đoàn. Hội Cựu chiến binh và Hội phụ nữ Tập đoàn dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Tập đoàn có nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm cầu nối giữa người cựu chiến binh, người lao động nữ với Ban giám đốc Tập đoàn, góp phần xây dựng khối đoàn kết trong Tập đoàn Bảo Việt. Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Lãnh đạo Tập đoàn để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội, góp phần xây dựng tổ chức Hội ngày càng phát triển vững mạnh tại Tập đoàn Bảo Việt.

5. Ngoài ra, người lao động Tập đoàn có thể thành lập các tổ chức chính trị - xã hội khác trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ của Tập đoàn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức chính trị, xã hội hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tập đoàn.

2. Trường hợp pháp luật không có quy định khác, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:

a. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);

b. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

c. Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Tập đoàn.

d. Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong Tập đoàn, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

e. Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền cho phần vốn nhà nước góp trong Tập đoàn thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Tập đoàn không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Tập đoàn phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tập đoàn đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tập đoàn không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tập đoàn đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, cổ đông được quyền nhận cổ tức phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ này.

6. Việc trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Tập đoàn mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tập đoàn có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tập đoàn tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tập đoàn mở tài khoản theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47.-Chế độ kế toán

1. Tập đoàn sử dụng chế độ kế toán phù hợp với các quy định pháp luật.
2. Tập đoàn lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tập đoàn.
3. Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận). Trường hợp Tập đoàn có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
4. Trong trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận và tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, Tập đoàn có thể chuyển đổi báo cáo tài chính hàng năm theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Điều 48. Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác

Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác (nếu có) tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Định kỳ, Tập đoàn phải lập bản báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và hàng năm theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính phải bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn (gồm có: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính) phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tập đoàn trong kỳ kinh doanh đó.
3. Tập đoàn phải lập và công bố, nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước các báo cáo giữa niên độ, bán niên và cả năm theo các quy định của Pháp luật.
4. Các báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm của Tập đoàn phải được kiểm toán hoặc soát xét theo quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán hoặc soát xét phải được công bố trên website của Tập đoàn đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Tập đoàn phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TẬP ĐOÀN

Điều 51. Kiểm toán

1. Ban kiểm soát đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tập đoàn cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận tại hợp đồng với công ty kiểm toán được lựa chọn. Tập đoàn phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính của Tập đoàn phải được soát xét, kiểm toán theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tập đoàn có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tập đoàn phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

XVII. DẤU VÀ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

Điều 52. Dấu và chứng từ điện tử

1. Hội đồng quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu dấu, việc quản lý và sử dụng dấu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu và/hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hội đồng quản trị quyết định việc Tập đoàn sử dụng chứng từ điện tử, chữ ký số, chữ ký điện tử trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

Điều 53. Giải thể

1. Tập đoàn có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tập đoàn trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Tập đoàn, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tập đoàn hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tập đoàn ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tập đoàn.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tập đoàn trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tập đoàn trước Tòa án và các cơ quan hành chính.


3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Tập đoàn;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Thông báo

Bất kỳ thông báo nào theo Điều lệ này sẽ được lập bằng văn bản bằng tiếng Việt, trường hợp cần thiết sẽ được lập thêm bằng tiếng Anh và phải được gửi tới địa chỉ của người nhận theo quy định tại Điều lệ này.



Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tập đoàn, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tập đoàn, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Tập đoàn;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người điều hành doanh nghiệp khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Tập đoàn

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 58 Điều được thông qua ngày 26 tháng 06 năm 2024 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành (05) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

Handwritten signature

- a. Một (01) bản nộp Bộ Tài Chính;
- b. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tập đoàn có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn. *Nguyễn Đình An*

Q. TÔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐÌNH AN

781-C
VN
BẢO VIỆT
TP. HÀ NỘI



Phụ lục 01: Danh sách cổ đông sáng lập và các thông tin liên quan

(Đính kèm bản Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi bổ sung lần thứ mười lăm)

Cổ đông	Địa chỉ	Số Cổ phần	Tổng mệnh giá Cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ
Bộ Tài chính Việt Nam	Số 28, Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	482.509.800	4.825.098.000.000	65,00%
HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Limited	18/F, Tower 1, HSBC Centre, 1 Sham Mong Road, Kowloon, Hong Kong S.A.R.	0	0	0
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	22.154.400	221.544.000.000	2,98%